

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HS-ST
Ngày 02/6/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Cừ
Ông Nguyễn Văn Lương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 27/2025/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-HS ngày 26/5/2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 15/01/1950, tại xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: thôn N, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ văn hoá: 08/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X (đều đã chết); Vợ Nguyễn Thị P và có 07 con, lớn nhất sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 04/12/2024 đến 13/12/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn C1 đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Nguyễn Văn K; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 12/7/1959, tại xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: thôn N, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ văn hoá: 07/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị X (đều đã chết); Vợ Nguyễn Thị P1 và có 08 con, lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 04/12/2024 đến 13/12/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn C1 đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Nguyễn Văn L; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 10/10/1970, tại xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: thôn N, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ văn hoá: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn L1 và bà Trần Thị T1 (đã chết); Vợ Nguyễn Thị T2 và có 05 con, lớn nhất đã chết, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 04/12/2024 đến 13/12/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn C1 đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Nguyễn Văn H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 27/9/1993, tại xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: thôn N, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị P; Vợ: Nguyễn Thị H1; và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 04/12/2024 đến 13/12/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn C1 đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. Nguyễn Văn H2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01/8/1984, tại xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: thôn N, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị P; Vợ Nguyễn Thị Kim L2 và có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 04/12/2024 đến 13/12/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn C1 đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6. Nguyễn Văn M; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 02/10/1995, tại xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: thôn N, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị P1; Vợ Nguyễn Thị Q và có 02 con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 04/12/2024 đến 13/12/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn C1 đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

7. Nguyễn Văn T3; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 16/03/1986, tại xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: thôn N, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên kỹ thuật xây dựng; Con ông Nguyễn Văn L1 và bà Trần Thị T1 (đã chết); Vợ Trần Thị L3 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 04/12/2024 đến 13/12/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn C1 đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

8. Nguyễn Văn T4; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 20/4/1975, tại xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: thôn N, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ văn hoá: 5/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn L1 và bà Trần Thị T1 (đã chết); Vợ: Mai Thị T5 và có 04 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ

nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 04/12/2024 đến 13/12/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn C1 đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Bị hại:

1. Các thành viên dòng họ H xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh:

Đại diện theo uỷ quyền:

- Ông Hoàng Văn C2, sinh năm 1970; nghề nghiệp: làm ruộng ; Địa chỉ: thôn N, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

- Ông Hoàng Văn H3, sinh năm 1982; Nghề nghiệp: lao động tự do; Địa chỉ: thôn N, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

- Ông Trần Văn T6, sinh năm 1949; Nghề nghiệp: lao động tự do; Địa chỉ: thôn N, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

2. Ông Hoàng Văn L4, sinh năm 1972; Nghề nghiệp: lao động tự do; Địa chỉ: thôn N, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1974; Nghề nghiệp: lao động tự do; Địa chỉ: thôn N, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Lê Văn T7, sinh năm 1975; Địa chỉ: thôn N, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

2. Ông Lê Văn G, sinh năm 1959; Địa chỉ: thôn A, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

3. Ông Lê Văn P2, sinh năm 1973; Địa chỉ: thôn N, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

4. Ông Lê Văn D, sinh năm 1953; Địa chỉ: thôn A, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Khắc T8, sinh năm 1963; Địa chỉ: thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dòng họ Nguyễn V ở thôn N, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh có một khu mộ chôn cất những người trong dòng họ tại nghĩa trang tự phát, không thuộc diện quản lý của UBND xã ở thôn N, xã T đã xây hàng rào bao quanh. Nằm trong vị trí các khu mộ của dòng họ Nguyễn Văn có một số ngôi mộ đất nhỏ, không có bia mộ của dòng họ H ở thôn N, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh và một ngôi mộ xây, ốp đá, có bia mộ ghi “Phần Mộ Vô danh” là thân nhân của anh Hoàng Văn L4 và bà Nguyễn Thị Đ. Tối ngày 12/11/2024, Nguyễn Văn C là người lớn tuổi nhất, có vai

về cao nhất trong dòng họ nên là người chủ trì cùng với Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn M họp bàn về việc đào, di dời các ngôi mộ của dòng họ H nằm trong các khu mộ của dòng họ Nguyễn V và thống nhất ngày thực hiện là ngày 13/11/2024. Sau khi họp xong, Nguyễn Văn C về trao đổi với 02 con trai là Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H2; Nguyễn Văn L về trao đổi với 02 em trai là Nguyễn Văn T4 và Nguyễn Văn T3 về nội dung cuộc họp thì H, H2, T4, T3 đồng ý tham gia.

Sáng ngày 13/11/2024, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Văn H mang theo 04 chiếc xẻng, 01 xuồng sắt, 02 xe rùa và 01 cuộc vét đến nghĩa trang thực hiện việc đào, di dời các ngôi mộ của dòng họ H như đã bàn bạc trước đó. Trước khi tiến hành đào các ngôi mộ, C, K và L đi khảo sát, chọn địa điểm chôn cất lại các hài cốt bên trong các ngôi mộ sẽ đào và quyết định chọn vị trí tại bờ mương cách các ngôi mộ của dòng họ H khoảng 50 mét làm địa điểm chôn cất lại. Thực hiện theo ý kiến của Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Văn H thay nhau dùng xẻng đào 07 ngôi mộ được đắp đất, không có bia mộ, dùng xe rùa chở đất đi nơi khác. Sau khi đào phát hiện phía dưới 06 ngôi mộ có 06 túi bọc bằng ni lông bên trong chứa chất màu đen và 01 ngôi mộ phía dưới có 01 tiểu sành, không có nắp, hình hộp chữ nhật kích thước khoảng 15x15x40cm, các bị cáo nghĩ đó là hài cốt người đã bị phân hủy không mở ra xem. Nguyễn Văn K bốc, tập kết 06 bọc túi ni lông và 01 tiểu sành lên một chỗ rồi dùng bạt căng lên che lại. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày do trời tối nên cả nhóm đi về nhà.

Sáng ngày 14/11/2024, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn H tiếp tục ra khu vực mộ của dòng họ của mình để thực hiện công việc đào, di dời, ngôi mộ được xây, ốp gạch có bia tên là “Phản mộ vô danh”. Nguyễn Văn T3 được phân công xây dựng huyệt thạch để quy tập các ngôi mộ được di dời nên không trực tiếp tham gia vào việc đào, di dời ngôi mộ ốp đá, những người còn lại luân phiên nhau dùng xuồng, xẻng đào ngôi mộ ốp đá lên thấy 01 tiểu gỗ hình hộp chữ nhật (dài khoảng 40cm, rộng khoảng 18cm, cao khoảng 10cm), Nguyễn Văn K đưa tiểu gỗ quy tập lại tại các túi ni lông và tiểu sành rồi đi mua 06 tiểu sành, 01 nắp tiểu sành mới và vải đỏ để chuyển các phần hài cốt đã phân hủy nằm trong túi ni lông sang tiểu sành mới mua; đặt nắp lại cho tiểu sành không còn nắp, còn tiểu gỗ để nguyên. Sau đó các bị cáo chôn 07 tiểu sành và 01 tiểu gỗ xuống các hố đã xây sẵn rồi dùng cát lấp đầy, đổ bê tông dày khoảng 20cm, rồi ốp gạch phía trên; đối với ngôi mộ ốp đá bê lại úp lên như trước. Sau khi thực hiện xong thuê thợ xây xây các huyệt thạch trên phần đất mà các ngôi mộ đã bị di dời.

Ngày 19/11/2024, Linh mục chuẩn giáo xứ N làm lễ cho các linh hồn đã qua đời ở nghĩa trang N1 thì gia đình anh Hoàng Văn C2 (là tộc trưởng dòng họ H) phát hiện những ngôi mộ của dòng họ không còn và thấy một số người của dòng họ Nguyễn V đang xây huyệt thạch tại khu vực mà những ngôi mộ trước đây dòng

họ H chôn cất, tìm hiểu và biết được việc một số gia đình dòng họ Nguyễn V đã đào, di dời các ngôi mộ dòng họ H đi nơi khác, các bên đã họp bàn, nhờ ban cán sự thôn giải quyết nhưng không đạt được thỏa thuận. Chiều ngày 03/12/2024, anh Hoàng Văn C2 đến Cơ quan CSĐT Công an huyện T trình báo sự việc. Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKS-TPHT ngày 22/4/2025 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh đã truy tố Nguyễn Văn Cẩm, Nguyễn Văn Kế, Nguyễn Văn Lê, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Văn T4 về tội “Xâm phạm mồ mả” theo khoản 1 Điều 319 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát luận tội giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 319; điểm b, i, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, Xử phạt Nguyễn Văn C từ 08 đến 10 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 319; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, Xử phạt Nguyễn Văn K từ 08 đến 10 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 319; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, Xử phạt Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn M từ 06 đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng kể từ ngày tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 319; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự, Xử phạt: Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T4 từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 27 ngày cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu và tiêu hủy 01 chiếc xe đẩy (thường gọi là xe rùa), bằng kim loại, không có nhãn hiệu, loại một bánh, có 2 tay cầm, đã qua sử dụng, phần thùng xe đã bị han rỉ, thủng; 01 chiếc xẻng, cán làm bằng tre hình trụ tròn, dài 1,50 mét, lưỡi xẻng bằng kim loại, kích thước 20,5cmx 21cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc xe đẩy (thường gọi là xe rùa), bằng kim loại, không có nhãn hiệu, loại một bánh, có 2 tay cầm, đã qua sử dụng ; 01 chiếc xẻng, cán làm bằng tre, hình trụ tròn, dài 1,40 mét, có buộc 4 vòng kim loại, lưỡi xẻng bằng kim loại kích thước 25cm, bản rộng nhất là 20cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc xẻng, cán làm bằng tre, hình trụ tròn, dài 1,79 mét, lưỡi xẻng hình chữ nhật cạnh không đều, kích thước 28cmx19cmx15cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc xẻng, cán làm bằng tre, hình trụ tròn, dài 1,31 mét, lưỡi bằng kim loại, kích thước 16,5cm x 26cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc cuốc vét, cán làm bằng tre, dài 1,53cm, lưỡi bằng kim loại hình chữ nhật, kích thước 27cm x 15cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc xuồng

làm bằng kim loại, cán xuống hình trụ tròn, dài 88cm, đầu cán xuống cắm một đoạn gỗ dài 10cm, lưỡi xuống dài 29cm, rộng 09cm, đã qua sử dụng.

Tại phiên tranh luận, các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Công an thành phố H, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác xuất trình tài liệu chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đầy đủ chứng cứ kết luận: Ngày 13 và 14/11/2024, tại khu vực nghĩa trang N1, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Văn T4 đã tự ý đào, cất bốc, di dời 08 ngôi mộ của dòng họ H ở thôn N, xã T, thành phố H sang chôn tại bờ ruộng cách vị trí ban đầu khoảng 50m, nhằm lấy đất xây huyết chờ cho dòng họ của mình. Các bị cáo có đầy đủ năng lực và tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Xâm phạm mồ mả”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 319 Bộ luật hình sự.

[3] Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả”; “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”; “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn C được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội là người từ đủ 70 tuổi trở lên” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đại diện hợp pháp của bị hại đều đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, Nguyễn Văn C có thời gian tham gia dân công hỏa tuyến, quá trình làm thôn trưởng được Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Hà Tĩnh tặng Giấy khen; gia đình

Nguyễn Văn K đang thờ cúng liệt sỹ là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đối với phần mộ của người đã chết, xâm phạm đến phong tục, tập quán, truyền thống của địa phương và của dân tộc, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn M cùng bàn bạc thống nhất thực hiện việc đào, di dời các ngôi mộ của dòng họ H rồi trao đổi với Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Văn T4 nội dung cuộc họp mà không có phân công nhiệm vụ cụ thể. Nguyễn Văn C là người khởi xướng việc di dời mộ nên giữ vai trò chính, các bị cáo khác là đồng phạm với vai trò người thực hành cần xử phạt mức án thoả đáng. Tuy nhiên, các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, nhận thức được hành vi vi phạm của mình và đã tự nguyện khắc phục hậu quả bằng cách di dời, chôn cất lại những ngôi mộ đã đào, chính quyền địa phương xác nhận trong thời gian sinh sống và làm việc tại địa phương các bị cáo là công dân gương mẫu, chấp hành tốt nội quy quy định của địa phương nên cho Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn M được hưởng án treo là phù hợp với Điều 65 Bộ luật hình sự, phạt cải tạo không giam giữ đối với Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Văn T4 là phù hợp với Điều 36 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đã bị tạm giữ bị xử phạt cải tạo không giam giữ được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04/12/2024 đến 13/12/2024 là 09 ngày, theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Bộ luật hình sự 01 ngày tạm giữ, tạm giam được tính 03 ngày cải tạo không giam giữ là 27 ngày.

[6] Các bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ, nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập là phù hợp.

[7] Xét luận tội và đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, về mức án là phù hợp.

[8] Về dân sự: Đại diện hợp pháp của các thành viên dòng họ H, ông Hoàng Văn L4 và bà Nguyễn Thị Đ không có yêu cầu gì thêm, miễn xét.

[9] Về xử lý vật chứng: 01 chiếc xe đẩy (thường gọi là xe rùa), bằng kim loại, không có nhãn hiệu, loại một bánh, có 2 tay cầm, đã qua sử dụng, phần thùng xe đã bị han rỉ, thủng; 01 chiếc xẻng, cán làm bằng tre hình trụ tròn, dài 1,50 mét, lưỡi xẻng bằng kim loại, kích thước 20,5cmx 21cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc xe đẩy (thường gọi là xe rùa), bằng kim loại, không có nhãn hiệu, loại một bánh, có 2 tay cầm, đã qua sử dụng ; 01 chiếc xẻng, cán làm bằng tre, hình trụ tròn, dài 1,40 mét, có buộc 4 vòng kim loại, lưỡi xẻng bằng kim loại kích thước 25cm, bản rộng nhất là 20cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc xẻng, cán làm bằng tre, hình trụ tròn, dài 1,79 mét, lưỡi xẻng hình chữ nhật cạnh không đều, kích thước 28cmx19cmx15cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc xẻng, cán làm bằng tre, hình trụ tròn, dài 1,31 mét, lưỡi bằng kim loại, kích thước 16,5cm x 26cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc cuốc vét, cán làm

bằng tre, dài 1,53cm, lưỡi bằng kim loại hình chữ nhật, kích thước 27cm x 15cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc xuống làm bằng kim loại, cán xuống hình trụ tròn, dài 88cm, đầu cán xuống cắm một đoạn gỗ dài 10cm, lưỡi xuống dài 29cm, rộng 09cm, đã qua sử dụng là công cụ phương tiện phạm tội, không có giá trị sử dụng căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu và tiêu hủy.

[10]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn C sinh năm 1950, theo quy định tại điều 2 Luật người cao tuổi thì bị cáo là người cao tuổi; căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho Nguyễn Văn C. Các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Văn T4 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Văn T4 phạm tội “Xâm phạm mồ mả”.

Căn cứ khoản 1 Điều 319; điểm b, i, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Nguyễn Văn C **08 (T9) tháng tù**, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 (Mười sáu tháng) tháng kể từ ngày tuyên án.

Căn cứ khoản 1 Điều 319; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Nguyễn Văn K **08 (T9) tháng tù**, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 (Mười sáu tháng) tháng kể từ ngày tuyên án.

Căn cứ khoản 1 Điều 319; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự,

Xử phạt: Nguyễn Văn L **07 (Bảy) tháng tù**, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (Mười bốn tháng) tháng kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt: Nguyễn Văn M **06 (Sáu) tháng tù**, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (Mười hai tháng) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn M cho UBND xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 và Điều 68 của Luật thi hành án hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 319; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự,

- Xử phạt: Nguyễn Văn H **09 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 27 ngày cải tạo không giam giữ**. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh H nhận được quyết định thi hành án.

- Xử phạt: Nguyễn Văn H2 **09 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 27 ngày cải tạo không giam giữ**. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh H nhận được quyết định thi hành án.

- Xử phạt: Nguyễn Văn T3 **09 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 27 ngày cải tạo không giam giữ**. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh H nhận được quyết định thi hành án.

- Xử phạt: Nguyễn Văn T4 **09 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 27 ngày cải tạo không giam giữ**. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh H nhận được quyết định thi hành án.

Giao Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Văn T4 cho xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu và tiêu hủy 01 chiếc xe đẩy (thường gọi là xe rùa), bằng kim loại, không có nhãn hiệu, loại một bánh, có 2 tay cầm, đã qua sử dụng, phần thùng xe đã bị han rỉ, thủng; 01 chiếc xẻng, cán làm bằng tre hình trụ tròn, dài 1,50 mét, lưỡi xẻng bằng kim loại, kích thước 20,5cmx 21cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc xe đẩy (thường gọi là xe rùa), bằng kim loại, không có nhãn hiệu, loại một bánh, có 2 tay cầm, đã qua sử dụng; 01 chiếc xẻng, cán làm bằng tre, hình trụ tròn, dài 1,40 mét, có buộc 4 vòng kim loại, lưỡi xẻng bằng kim loại kích thước 25cm, bản rộng nhất là 20cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc xẻng, cán làm bằng tre, hình trụ tròn, dài 1,79 mét, lưỡi xẻng hình chữ nhật cạnh không đều, kích thước 28cmx19cmx15cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc xẻng, cán làm bằng tre, hình trụ tròn, dài 1,31 mét, lưỡi bằng kim loại, kích thước 16,5cm x 26cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc cuốc vét, cán làm bằng tre, dài 1,53cm, lưỡi bằng kim loại hình chữ nhật, kích thước 27cm x 15cm, đã qua sử dụng; 01 chiếc xuồng làm bằng kim loại, cán xuồng hình trụ tròn, dài 88cm, đầu cán xuồng cắm một đoạn gỗ dài 10cm, lưỡi xuồng dài 29cm, rộng 09cm, đã qua sử dụng.

Về án phí: Căn cứ điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho Nguyễn Văn C. Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc Nguyễn Văn K, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Văn T4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPHT ;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- T.H.A.P.T;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Bị cáo, bị hại;
- UBND xã T, TP H;
- Sở TP Hà Tĩnh;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã nhận)

Nguyễn Văn Sơn